TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **213**/2025/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 28 tháng 05 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 68, Quyển số 01 – 2009 ngày 09 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/05/2025, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985;
2. Chị Trần Thị D2, sinh năm 1985;

Cùng nơi thường trú và nơi cư trú: TDP Viên 4, phường C2, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Chị Trần Thị D2 và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 10 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Từ khoảng tháng 10/2023 đến nay, anh chị đã ly thân. Mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên không thể hoà giải. Đến nay, anh D, chị D2 cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể hòa giải đoàn tụ nên thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần được ghi nhận.

[2]. Về con chung: Chị Trần Thị D2 và anh Nguyễn Văn D có 03 (Ba) con chung là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 02/8/2010; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 09/11/2020 và Nguyễn Tiến Đại, sinh ngày 11/10/2022. Sau khi ly hôn, anh chị thỏa thuận chị Trần Thị D2 là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn D cho đến khi chị Trần Thị D2 có yêu cầu hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản, nhà đất chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh D, chị D2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nhân thân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị D2 và anh Nguyễn Văn D.

- *Về con chung*: Chị Trần Thị D2 và anh Nguyễn Văn D có 03 (Ba) con chung là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 02/8/2010; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 09/11/2020 và Nguyễn Tiến Đại, sinh ngày 11/10/2022.

Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên: Giao cả 03 con chung cho chị Trần Thị D2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn D cho đến khi chị Trần Thị D2 có yêu cầu hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về quyền đi lại, chăm sóc con chung: Không ai được cản trở quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Nguyễn Văn D.

- *Về tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn D, chị Trần Thị D2 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp theo biên lai số: 0075830 ngày 20/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thế Vinh